

Bản án số: 91/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 9 năm 2022

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hữu Thạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Bà Lương Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao tỉnh Kiên Giang

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thị Ch, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện Gi, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Anh Danh Dân, sinh năm 1988 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 2, xã Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, tại phiên tòa nguyên đơn chị Thị Ch trình bày:

Vào năm 2009 qua tìm hiểu, được cha mẹ hai bên gia đình đồng ý Chị Thị Ch và anh Danh D đã về chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang, quá trình chung sống hạnh phúc, sống chung được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn nên chị Ch về nhà mẹ ruột sống tại xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng đến nay, hiện nay mỗi người đã có cuộc sống riêng. Anh chị đã ly thân từ năm 2012 và hiện nay không quan tâm chăm sóc với nhau nữa.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa nên Chị Ch yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh D.

Về con chung: Thời gian chung sống chị Ch anh D có với nhau 02 đứa con là cháu Danh H, sinh ngày 04/4/2010, và cháu Thị Diễm M, sinh ngày 06/11/2012, khi ly hôn chị Ch xin nuôi dưỡng cháu Thị Diễm M, không yêu cầu ông Danh D cấp dưỡng nuôi con, đồng ý giao cháu Danh H cho ông Danh D nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Danh D vắng mặt nhưng qua các lời khai có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào năm 2009 qua tìm hiểu anh D có tình cảm với chị Thị Ch và tiến đến hôn nhân về chung sống với nhau, được hai bên đồng ý, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang, quá trình chung sống hạnh phúc, có với nhau 02 đứa con là cháu Danh H, sinh ngày 04/4/2010, và cháu Thị Diễm M, sinh ngày 06/11/2012.

Đến năm 2017 thì chị Thị Ch về nhà mẹ ruột sống tại xã Bàn Tân Định huyện Giồng Riềng đến nay, và chị Ch đã có chồng khác và đã có con với người khác, hiện nay mỗi người đã có cuộc sống riêng. Từ khi chị Ch bỏ đi thì có đưa cháu Thị Diễm M đi theo và hiện nay cháu M đang sống với chị Ch, còn cháu Danh H đang sống với anh D. Nay do chị Ch tự ý bỏ đi sống với người khác nên anh D không đồng ý ly hôn với chị Ch.

Về con chung: Trường hợp chị Thị Ch kiên quyết xin ly hôn thì anh D xin nuôi cháu Danh H, không yêu cầu chị Thị Ch cấp dưỡng nuôi con, đồng ý giao cháu Thị Diễm M cho chị Thị Ch nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Danh D có hộ khẩu thường trú tại ấp Thanh Hòa 2, xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Đối với bị đơn anh Danh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh D.

Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, chị Thị Ch yêu cầu được ly hôn với anh Danh D. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về hôn nhân: Chị Thị Ch và anh Danh D chung sống với nhau từ năm 2009, việc chung sống trên cơ sở là hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và được hai bên gia đình đồng ý, thực hiện đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo trích lục kết hôn số 240/2018 ngày 23/02/2018, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Thị Ch xin được ly hôn với anh Danh D với lý do trong cuộc sống anh chị Thanh thường xuyên xảy ra bất hòa, bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một rạn nứt, thường xuyên mâu thuẫn hay cãi nhau, đời sống hôn nhân không có hạnh phúc, nay chị Ch kiên quyết xin ly hôn với anh D, trong quá trình giải quyết vụ án anh D không đồng ý ly hôn với

chị Ch, xét thấy chị Ch không còn yêu thương, quan tâm đến anh D nữa, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài từ năm 2012 đến nay, mỗi người hiện nay đã có cuộc sống riêng, qua xác nhận của chính quyền địa phương anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Như vậy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh chị đã không thể hàn gắn được nữa, tình cảm vợ chồng không còn, sự mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật HNGĐ 2014 xử cho chị Thị Ch được ly hôn với anh Danh D là có cơ sở và đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Thị Ch và anh Danh D xác định chị và anh có hai người con chung là cháu Danh H, sinh ngày 04/4/2010, và cháu Thị Diễm M, sinh ngày 06/11/2012, khi ly hôn chị Ch xin được nuôi cháu Thị Diễm M không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, đồng ý giao cháu Danh H cho anh D nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con của chị Ch HĐXX xét thấy từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu Thị Diễm M do chị Ch chăm sóc, nuôi dưỡng, Cháu Danh H do anh D chăm sóc nuôi dưỡng, hiện nay cháu Diệu, cháu Dân vẫn phát triển bình thường về mọi mặt, mặc khác cháu M có nguyện vọng xin được chung sống với chị Ch, cháu H có nguyện vọng sống với anh D. Chị Ch và anh D đều đồng ý. Do đó để bảo đảm sự phát triển của con chung, Hội đồng xét xử tôn trọng theo nguyện vọng của các cháu theo quy tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. HĐXX giao cháu Thị Diễm M cho chị Thị Ch, giao cháu Danh H cho anh Danh D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Chị Thị Ch anh Danh D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thị Ch và anh Danh D xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Là 300.000đ buộc chị Thị Ch phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Thị Ch về việc xin ly hôn với anh Danh D.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Thị Ch ly hôn với anh Danh D.

2. Về con chung: Giao cháu Danh H, sinh ngày 04/4/2010 cho anh Danh D chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Thị Diễm M, sinh ngày 06/11/2012 cho chị Thị Ch chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Danh D chị Ch không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh D chị Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh chị có quyền làm đơn yêu thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Thị Ch nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008968, ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- UBND xã Thủy Liễu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Hữu Thạnh